|  |  |
| --- | --- |
| UBND THỊ XÃ KINH MÔN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG TIỂU HỌC HIẾN THÀNH** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-THHT |  *Hiến Thành, ngày 13 tháng 9 năm 2024* |

**PHỤ LỤC I**

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024*

*của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**NĂM: 2024**

*Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;*

Trường Tiểu học Hiến Thành đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC**

**1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương**

**2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chi hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện** tử của cơ sở giáo dục *(sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).*

Trụ sở chính: **Trường Tiểu học Hiến Thành, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.**

Điện thoại: 0352417097

Website: http://km- thhienthanh.haiduong.edu.vn

**3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp**

Loại hình: trường công lập

Cơ quan chủ quản: UBND thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

**4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục**

Trường tiểu học Hiến Thành được tách ra và thành lập lại từ năm 1989. Năm học 2024-2025 trường có 28 lớp và 1008 học sinh. Cơ sở vật chất của trường hiện nay gồm 28 phòng học kiên cố đủ để phục vụ giảng dạy 2 buổi/ngày và có các phòng làm việc, phòng chức năng.

Trong từng giai đoạn cụ thể, nhà trường luôn căn cứ vào mục tiêu đào tạo và nhu cầu phát triển của địa phương để đề ra kế hoạch và nhiệm vụ cụ thể nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ “Nâng cao dân trí, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài” cung cấp nguồn nhân lực cho địa phương.

Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang; đầy đủ phòng học, phòng chức năng; phòng bộ môn cơ bản đủ, có trang thiết bị đạt chuẩn; khu sân chơi, khu luyện tập TDTT đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Sở GD&ĐT tỉnh Hải Dương, Phòng GD&ĐT thị xã Kinh Môn, thầy và trò trường Tiểu học Hiến Thành không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong toàn thị xã.

Tháng 8 năm 2020 trường được công đạt chuẩn Quốc gia (lần thứ hai). Thư viện đạt chuẩn mức độ 2 *(Quyết định số 776/QĐ-PGD&ĐT ngày 29/10/2024 của phòng GD&ĐT thị xã)*. Trường Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và Trường chuẩn Quốc gia Mức độ 1 vào tháng 8 năm 2020.

Năm học 2017-2018 và năm học 2018-2019 tập thể nhà trường 02 năm liền được UBND Tỉnh công nhận Tập thể Lao động Xuất sắc; Năm học 2018-2019 được UBND tỉnh tặng cờ thi đua dành cho đơn vị hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm học;

 Trong giai đoạn phát triển công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đào tạo thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi nhà trường phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của phường, xã, của thị xã…

Nhà trường xây dựng và thực hiện hiệu qủa kế hoạch chiến lược của nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Vì vậy đòi hỏi Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường phải xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển để kế hoạch đạt kết quả cao, sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trườngnói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung.

**5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Trường TH Hiến Thành được tách ra từ trường PTCS Hiến Thành và thành lập lại từ tháng 8 năm 1989. Tháng 6 năm 2015 trường được công đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Thư viện nhà trường đạt Thư viện Đạt chuẩn mức độ 2 năm 2024. Trường Đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và Trường chuẩn Quốc gia Mức độ 1 vào tháng 8 năm 2020.

Trường đóng trên địa bàn Khu dân cư Huyền Tụng – Phường Hiến Thành - TX Kinh Môn - Hải Dương.

**6. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường**

Được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, chính quyền, PGDĐT thị xã Kinh Môn, đến nay nhà trường đã được đầu tư xây dựng CSVC khang trang, hiện đại. Đội ngũ thầy cô giáo đạt chuẩn về trình độ. Các thầy cô đều tâm huyết hăng say với công tác; chất lượng giáo dục toàn diện ngày một nâng lên, trường nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc. Khuôn viên của của nhà trường được củng cố quy hoạch lại, đủ diện tích, phòng học, phòng học bộ môn, sân chơi, bãi tập, các công trình phụ trợ đảm bảo các điều kiện chuẩn về CSVC phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục.

Tiếp tục kế thừa, phát huy, từng bước thực hiện các mục tiêu kế hoạch chiến lược 2020-2025, tầm nhìn đến 2030, phấn đấu là một ngôi trường có chất lượng giáo dục bền vững của thị xã, góp phần tích cực nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho quê hương, đất nước.

**7. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử**

Bà: Ngô Thị Thu Huyền

 Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Khu dân cư Huyền Tụng, phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn,tỉnh Hải Dương.

 Số điện thoại: 0352.417.097

 Gmail: *ngothuhuyen**@gmail.com*

**8. Tổ chức bộ máy**

**8.1. Quyết định sáp nhập**

Trường tiểu học Hiến Thành được tách ra và thành lập lại từ năm 1989. Trường có 1 điểm trường, đặt tại Khu dân cư Huyền Tụng, phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn,tỉnh Hải Dương;

**8.2 Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường**

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2019-2024 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học *(ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT- BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo),* Hội đồng trường được kiện toàn tại Quyết định số 160/QĐ-PGDĐT ngày 14/5/2020 của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Kinh Môn, Hội đồng trường gồm 09 thành viên:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Chức danh trong HĐT** |
| 1 | Bà: Ngô Thị Thu Huyền | BT chi bộ,Hiệu trưởng | CT Hội đồng trường |
| 2 | Bà : Nguyễn Thị Tuyên | Chủ tịch CĐ | PCT Hội đồng trường |
| 3 | Bà: Nguyễn Thị Nga | TT tổ 1 | Thư kí HĐ trường |
| 4 | Bà: Phạm Thị Phượng | Tổ trưởng tổ văn phòng | Thành viên |
| 5 | Bà: Đoàn Thị Ngọc Hà | TT tổ 2+ 3 | Thành viên |
| 6 | Bà: Nguyễn Thị Vân | TT tổ 4+ 5 | Thành viên |
| 7 | Bà: Trương Thị Duyên | Bí thư đoàn trường | Thành viên |
| 8 | Ông: Đinh Văn Vương | ĐUV, Phó chủ tịch UBND phường | Thành viên |
| 9 | Ông: Trương Trung Sỹ | Trưởng ban đại diện CMHS | Thành viên |

**8.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng**

- Quyết định bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Hiến Thành:

Số 446/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của Chủ tịch UBND thị xã Kinh Môn về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học.

- Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Hiến Thành:

+ Số 1362/QĐ-UBND ngày 30/09/2020 của Chủ tịch UBND thị xã Kinh Môn về việc điều động, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học.

+ Số 936/QĐ-UBND ngày 28/08/2023 của Chủ tịch UBND thị xã Kinh Môn về việc điều động, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý trường học.

Có quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

**9. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục**

Nhà trường có xây dựng chiến lược phát triển, Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định hoạt động nội bộ, Quy chế thi đua, khen thưởng, Quy chế thực hiện công khai, Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản công trong nhà trường, Quy tắc ứng xử văn hóa của cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động và học sinh; cùng nhiều kế hoạch theo hướng dẫn của các cấp.

**II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO , CBQL VÀ NHÂN VIÊN**

**1. Biên chế giao năm 2024:**

 - QĐ số 15/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 QĐ về việc giao chỉ tiêu biên chế sự nghiệp Giáo dục và Đào Tạo Khối Tiểu học thị xã Kinh Môn năm 2024. - Tổng số CB,GV,NV hiện có: 43, trong đó: CBQL: 03, giáo viên: 39, nhân viên: 03. Chia theo vị trí việc làm cụ thể như sau:

**1.1. Cán bộ quản lý:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chức danh | Số lượng | Trình độ đào tạo | Trình độ chính trị |
| Thạc sĩ | ĐH QLGD | ĐHSP | Cao cấp | Cử nhân | Trung cấp | Sơ cấp | Đảng viên |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | 01 | 01 |  |  | 1 |  | 1 |
| P.Hiệu trưởng | 02 |  |  | 02 |  |  | 2 |  | 2 |

**1.2. Giáo viên:Tỉ lệ GV/ lớp: 39/28, tỉ lệ 1,39**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chức danh | Số lượng | Trình độ SP | Trình độ chính trị | Đoàn thể |
| ĐH | CĐ | TrH | Cao cấp | Trung cấp | Sơ cấp | Đảng | Đoàn | CĐ |
| GV Văn hóa | 30 | 30 |  |  |  | 01 | 19 | 20 | 18 | 30 |
| GV Âm nhạc | 01 | 01 |  |  |  |  | 01 | 01 | 01 | 01 |
| GV Mĩ Thuật | 01 | 01 |  |  |  |  | 01 | 01 |  | 01 |
| GV Thể dục | 03 | 03 |  |  |  |  | 01 | 01 | 02 | 03 |
| GV Tiếng Anh | 03 | 03 |  |  |  |  |  |  | 01 | 03 |
| GV Tin học | 01 | 01 |  |  |  |  |  |  | 01 | 01 |
| **Tổng** | **39** | **39** |  |  |  | **01** | **22** | **23** | **23** | **39** |

**1.3. Nhân viên**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chức danh | Số lượng | Trình độ VH | Trình độ đào tạo | Đoàn thể |
| C3 | C2 | C1 | ĐH | CĐ | TrH | CĐV | Đoàn | Đảng |
| Kế toán - VT | 1 | 1 |  |  | 1 |  |  | 1 | 1 |  |
| TV-TB | 1 | 1 |  |  | 1 |  |  | 1 |  | 1 |
| Y tế- Thủ quỹ | 1 | 1 |  |  | 1 |  |  | 1 | 1 | 1 |
| Bảo vệ | 1 |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  |
| **Tổng** | **04** | **03** | **01** | **0** | **03** | **01** |  | **04** | **02** | **02** |

**1.4. Số lượng, tỷ lệ GV, CBQL, NV đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chức danh | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng  | 01 | 1 | 0 | 0 | 0 | 01 |
| Phó HT | 02 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 |
| Giáo viên | 39 | 34 | 0 | 0 | 34 | 0 |
| Nhân viên | 3 | 3 | 0 | 0 | 3 | 0 |
| **Tổng** | **45** | **38** | **0** | **0** | **44** | **01** |

**1.5. Số lượng giáo viên, CBQL, nhân viên hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên**: 100% CBQL,GV,NV tham gia bồi dưỡng thường xuyên theo hướng dẫn

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

**1. Cơ sở vật chất**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên phòng**  | **Số lượng** | **Diện tích (m2)** | **Tên phòng**  | **Số lượng** | **Diện tích (m2)** |
| **1. Khối phòng hành chính, quản trị** | **2. Khối phòng học tập** |
| Phòng HT | 01 | 20 | Phòng học VH | 28 | 1230 |
| Phòng PHT | 01 | 20 | Phòng Tin học (20 máy tính) | 01 | 54 |
| Phòng KHCN | 01 | 54 |
| Phòng Bảo vệ | 01 | 12 | Phòng học Tiếng Anh  | 01 | 54 |
| Khu để xe giáo viên | 01 | 50 | Phòng nghệ thuật ( MT+ ÂN) | 01 | 54 |
| Khu để xe học sinh | 02 | 120 | Phòng hội đồng | 01 | 54 |
| Văn phòng | 01 | 20 |
| Khu vệ sinh CBGV | 02 | 40 |  |  |  |
| **3. Khối phòng hỗ trợ học tập** | **4. Khối phụ trợ** |
| Thư viện | 01 | 54 | Phòng Y tế | 01 | 18 |
| Phòng Thiết bị | 02 | 54 | Khu vệ sinh HS  | 04 | 80 |
| Tư vấn học đường, hỗ trợ HS KT- YT | 01 | 18 | Phòng nghỉ GV | 01 | 20 |
| Phòng Đoàn đội+ Truyền thống | 01 | 34 | Cổng, tường rào | Có |  |
|  |  |  | Phòng kho | 02 | 36 |
|  |  |  |
| **5. Khu sân chơi, thể dục thể thao** |  |
| Sân trường | 02 | 2200 |  |  |  |
| Bãi tập  | 02 | 400 |  |  |  |
| Sân tập mái che | 01 | 275 |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

- Tổng khuôn viên diện tích: 10237 m2 bình quân 10,2, m2/1 HS;.

**2. Thiết bị dạy học**

*- Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ GD&ĐT;*

*- Các phòng học bộ môn được trang bị cơ bản đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn.*

- Phòng Tiếng Anh: 01 bảng tương tác; 01 máy chiếu hắt, amply, micro, 01 máy tính để bàn.

- Phòng Tin học: 01 ti vi kết nối Internet; 20 máy tính kết nối mạng Internet.

- Phòng Mỹ thuật: 01 ti vi kết nối Internet; 35 giá vẽ.

- Loa kéo 01 bass 40 cm: 01.

- 30 Tivi: 20 Tivi Sony 65in; 10 tivi Samcung 65in; 02 ti vi LIVA 55 in

- Bộ đồ dùng dạy học: 5 bộ/28 lớp. (Chưa có bộ đồ dùng khối 2,3,4,5)

- Bàn ghế 02 chỗ ngồi 550 bộ (Bàn ghế bán trú: 278 bộ); Bàn ghế 01 chỗ ngồi 272 bộ.

- Bảng lớp: 28

- Wifi: 12

- Thư viện: 01 phòng 54m2, Thư viện xanh: 24m2, phòng đọc giáo viên: 54m2, phòng thiết bị: 54 m2.

\* Trang thiết bị khối hành chính, quản trị: 04 máy tính để bàn, 04 máy tính xách tay, 06 máy in, 05 Wifi, 01 Tivi Samsung 75in, 03 bộ toa máy tính, 02 Hệ thống camera (02 Tivi Samsung 55in, 24 mắt cam, 02 ổ cứng), 06 điều hòa, 10 quạt trần, 04 quạt treo tường,…

\* Tổng số sách: 7.805 bản, gồm:

- Sách giáo khoa : 1684 bản (tăng 200 bản) – bình quân 1,67 bản/ HS.

- Sách tham khảo : 4.660 bản – bình quân 4,62 bản/HS.

- Sách nghiệp vụ : 1.461 bản (tăng 100 bản) – bình quân 32,4 bản/GV.

- Sách thiếu nhi: 2.262 bản- bình quân 1,44 bản/ HS.

- Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải cơ bản bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường; Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường; Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường; Thu gom rác thải chuyển ra bãi rác hằng ngày; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường; Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành.

**3. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. TT Môn học Bộ sách Lớp 1,2,3,4,5.**

**3.1. Bộ sách giáo khoa lớp 5.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Môn/****Hoạt động GD** | **Tên sách giáo khoa** |
|
| 1 | Tiếng Việt | **Sách Tiếng Việt - lớp 5 tập 1, tập 2**-Tổng chủ biên: Nguyễn Minh Thuyết- Thuộc bộ sách: Cánh Diều- Nhà xuất bản Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh |
| 2 | Toán | **Sách Toán - lớp 5 (tập 1, tập 2)**- Tổng chủ biên: Đỗ Đức Thái- Thuộc bộ sách: Cánh Diều- Nhà xuất bản Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh |
| 3 | Đạo đức | **Sách Đạo đức - lớp 5**- Tổng chủ biên: Nguyễn Thị Mĩ Lộc - Thuộc bộ sách: Cánh Diều- Nhà xuất bản Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh |
| 4 | Khoa học | **Sách Khoa học - lớp 5**- Tổng chủ biên: Bùi Phương Nga - Thuộc bộ sách: Cánh Diều- Nhà xuất bản Đại học Sư phạm  |
| 5 | Lịch sử và Địa lí | **Sách Lịch sử và Địa lí - lớp 5**- Tổng chủ biên: Đỗ Thanh Bình - Thuộc bộ sách: Cánh Diều- Nhà xuất bản Đại học Sư phạm |
| 6 | Hoạt động trải nghiệm | **Sách Hoạt đông trải nghiệm - lớp 5**- Tổng chủ biên: Nguyễn Dục Quang - Thuộc bộ sách: Cánh Diều- Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh |
| 7 | Tin học | **Sách Tin học - lớp 5**- Tổng chủ biên: Hồ Sĩ Đàm - Thuộc bộ sách: Cánh Diều- Nhà xuất bản Đại học Sư phạm |
| 8 | Công nghệ | **Sách Công nghệ - lớp 5**- Tổng chủ biên: Nguyễn Trọng Khanh - Thuộc bộ sách: Cánh Diều- NXB Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh |
| 9 | Giáo duc thể chất | **Sách Giáo dục thể chất - lớp 5**- Tổng chủ biên: Đinh Quang Ngọc - Thuộc bộ sách: Cánh Diều- Nhà xuất bản Đại học Sư phạm |
| 10 | Mỹ thuật | **Sách Mỹ thuật - lớp 5 (bản 1)**- Tổng chủ biên: Nguyễn Thị Nhung - Thuộc bộ sách: Chân trời sáng tạo- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 11 | Âm nhạc | **Sách Âm nhạc - lớp 5**- Tổng chủ biên: Lê Anh Tuấn- Thuộc bộ sách: Cánh Diều- NXB Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh. |
| 12 | Tiếng anh | **Sách Tiếng anh 5 Global Success.**- Tổng chủ biên: Hoàng Văn Vân, - Thuộc bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |

**3.2. Bộ sách giáo khoa lớp 1,2,3,4.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Môn** | **Bộ sách** |
| **Lớp 1** | **Lớp 2** | **Lớp 3** | **Lớp 4** |
| 1 | Tiếng việt | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều |
| 2 | Toán | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều |
| 3 | TN và XH | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều |
| 4 | Đạo đức | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều |
| 5 | Âm nhạc | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều |
| 6 | Mĩ thuật | Vì sự bình đẳng và dân chủ trong GD | Chân trời sáng tạo | Chân trời sáng tạo | Chân trời sáng tạo |
| 7 | HĐTN | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều |
| 8 | GD thể chất | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều | Cánh diều |
| 9 | Tiếng Anh | Victoria | Victoria | Victoria | Victoria |
| 10 | Khoa học |  |  |  | Cánh diều |
| 11 | Lịch sử và ĐL |  |  |  | Cánh diều |
| 12 | Tin học |  |  | Cánh diều | Cánh diều |
| 13 | Công nghệ |  |  | Cánh diều | Cánh diều |

**IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 năm 2015; công nhận lại lần I năm *2020 (Quyết định 2250/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I)*;

Trường Đạt kiểm định chất lượng GD cấp độ 2 *(Quyết định số 875/QĐ-SGD ĐT ngày 04/08/2020 của SGD&ĐT tỉnh Hải Dương)*

**V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023 - 2024**

**A. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế**

 **1. Chất lượng giáo dục**

 **1.1**. **Điều kiện tuyển sinh: Tuyển sinh trẻ đủ điều kiện theo quy định của BGD**

 1.2. Chương trình đào tạo Dạy theo QĐ 16/2006/BGD&ĐT đối với lớp 5, Thông tư 32/2018/ BGD&ĐT đối với lớp 1,2,3,4. 100% học sinh học 2 buổi/ngày dạy Tiếng Anh 4 tiết/tuần lớp 3,4,5; Tiếng Anh 2 tiết/tuần lớp 1,2; môn tin 2 tiết/tuần với học sinh khối 5

 1.**3. Yêu cầu về thái độ học tập của CBGV, NV và học sinh**

 Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan;Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng có đạo đức tốt, có bản lĩnh; Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe;Có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Kết hợp giữa thực tiễn và lý thuyết, đúc kết kinh nghiệm để giải quyết vấn đề ngày một hiệu quả.

 **1.4. Các hoạt động hỗ trợ học tập với CBGV, NV và học sinh**

 Thống kê kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ, theo năm học để thông tin tới gia đình theo dõi tiến độ học tập của con để có cơ sở nắm bắt, động viên con em học tập theo đúng tiến độ thời gian.

 Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị đầu năm để hiểu rõ tình hình chính trị, chủ trương của Đảng, pháp luật nhà nước, các quy định của Trường cho toàn bộ CBGV, NV. Phối hợp với chính quyền và công an xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn cho học sinh CBGV, NV; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến CBGV, NV và học sinh.

 Thực hiện các chế độ chính sách kịp thời, thỏa đáng cho CBGV,NV ,HS

 Theo dõi và đề xuất các hình thức khen thưởng và kỷ luật CBGV,NV ,HS.

 Đang dần tăng cường số lượng đầu sách, chủng loại tài liệu Thư viện.

 **2. Chất lượng thực tế**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môn** | **Kết quả** | **Tổng** | **Tỷ lệ** | **Lớp 1** | **Lớp 2** | **Lớp 3** | **Lớp 4** | **Lớp 5** |
| **1** | **Tiếng Việt** | **Hoàn thành tốt** | 801 |  | 175 | 141 | 193 | 169 | 123 |
| **Hoàn thành** | 240 |  | 24 | 41 | 39 | 48 | 88 |
| **Chưa HT** | 7 |  | 3 | 2 |  | 1 | 1 |
| **2** | **Toán** | **Hoàn thành tốt** | 806 |  | 182 | 145 | 188 | 152 | 139 |
| **Hoàn thành** | 237 |  | 19 | 37 | 44 | 65 | 72 |
| **Chưa HT** | 5 |  | 1 | 2 |  | 1 | 1 |
| **3** | **Đạo đức** | **Hoàn thành tốt** | 668 |  | 122 | 117 | 155 | 144 | 130 |
| **Hoàn thành** | 380 |  | 80 | 67 | 77 | 74 | 82 |
| **Chưa HT** | 0 |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **TNXH** | **Hoàn thành tốt** | 394 |  | 116 | 115 | 163 |  |  |
| **Hoàn thành** | 224 |  | 86 | 69 | 69 |  |  |
| **Chưa HT** | 0 |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Khoa học** | **Hoàn thành tốt** | 329 |  |  |  |  | 187 | 142 |
| **Hoàn thành** | 100 |  |  |  |  | 30 | 70 |
| **Chưa HT** | 1 |  |  |  |  | 1 |  |
| **6** | **LS & ĐL** | **Hoàn thành tốt** | 293 |  |  |  |  | 158 | 135 |
| **Hoàn thành** | 136 |  |  |  |  | 59 | 77 |
| **Chưa HT** | 1 |  |  |  |  | 1 |  |
| **7** | **Âm nhạc** | **Hoàn thành tốt** | 673 |  | 116 | 109 | 163 | 146 | 139 |
| **Hoàn thành** | 375 |  | 86 | 75 | 69 | 72 | 73 |
| **Chưa HT** | 0 |  |  |  |  |  |  |
| **8** | **Mĩ thuật** | **Hoàn thành tốt** | 714 |  | 139 | 110 | 169 | 154 | 142 |
| **Hoàn thành** | 334 |  | 63 | 74 | 63 | 64 | 70 |
| **Chưa HT** | 0 |  |  |  |  |  |  |
| **9** | **Thể dục****(GDTC)** | **Hoàn thành tốt** | 767 |  | 115 | 92 | 207 | 204 | 149 |
| **Hoàn thành** | 280 |  | 87 | 92 | 25 | 13 | 63 |
| **Chưa HT** | 1 |  |  |  |  | 1 |  |
| **10** | **Công nghệ** | **Hoàn thành tốt** | 411 |  |  | 207 | 204 |  |  |
| **Hoàn thành** | 38 |  |  | 25 | 13 |  |  |
| **Chưa HT** | 1 |  |  |  | 1 |  |  |
| **11** | **Kĩ thuật** | **Hoàn thành tốt** | 129 |  |  |  |  |  | 129 |
| **Hoàn thành** | 83 |  |  |  |  |  | 83 |
| **Chưa HT** | 0 |  |  |  |  |  |  |
| **12** | **Ngoại ngữ** | **Hoàn thành tốt** | 685 |  | 163 | 127 | 173 | 144 | 78 |
| **Hoàn thành** | 362 |  | 39 | 57 | 59 | 73 | 134 |
| **Chưa HT** | 1 |  |  |  |  | 1 |  |
| **13** | **Tin học** | **Hoàn thành tốt** | 485 |  |  |  | 210 | 186 | 89 |
| **Hoàn thành** | 177 |  |  |  | 22 | 32 | 123 |
| **Chưa HT** | 0 |  |  |  |  |  |  |
| **14** | **HĐ trải nghiệm** | **Hoàn thành tốt** | 540 |  | 125 | 111 | 160 | 144 |  |
| **Hoàn thành** | 296 |  | 77 | 73 | 72 | 74 |  |
| **Chưa HT** | 0 |  |  |  |  |  |  |
| **15** | **Năng lực chung** | **Tốt** | 638 |  | 126 | 118 | 140 | 136 | 118 |
| **Đạt** | 407 |  | 74 | 66 | 92 | 81 | 94 |
| **Cần cố gắng** | 0 |  |  |  |  |  |  |
| **16** | **Phẩm chất** | **Hoàn thành tốt** | 673 |  | 128 | 118 | 160 | 146 | 121 |
| **Hoàn thành** | 375 |  | 74 | 66 | 72 | 72 | 91 |
| **Chưa HT** | 0 |  |  |  |  |  |  |

 Đào tạo những HS tri thức, đạo đức, kỹ năng sống theo mục tiêu giáo dục.

 Tỷ lệ học sinh hoàn thành CTTH đạt 99,5%, học sinh hoàn thành chương trình lớp học 1043/1048 đạt: 99,5 % (Không kể 5 HSKT không đánh giá).

 **3. Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn Quốc gia:**

 Mức chất lượng tối thiểu đạt theo quy định của BGD.

 Tích cực tham mưu với Đảng Ủy, UBND xã xây dựng phòng học, tu bổ cơ sở vật chất, trường chuẩn Quốc gia.

 **4. Kiểm định chất lượng giáo dục:** Trường cơ bản đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá kiểm định chất lượng cấp độ 2 và trường chuẩn Quốc gia mức I.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **B. CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO GIÁO DỤC** **1. Điều kiện cơ sở vật chất hỗ trợ người học (như phòng học, trang thiết bị, thư viện…) (chi tiết về số lượng được mô tả ở biểu mẫu trên)** Có đủ phòng họp, phòng học đảm bảo chất lượng. Phòng TB có đủ trang thiết bị. Các phòng học vi tính được kết nối internet, hệ thống Internet wifi phủ sóng trong toàn trường. Thư viện có đủ tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu. **2. Đội ngũ giáo viên và CBQL, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục** Đội ngũ giáo viên được mô tả chi tiết ở biểu mẫu 2.1. Công khai thông tin về đội ngũ CBGC, NV năm học 2023 - 2024 Tổng số CBGV, NV: 45 trong đó: Đại học: 44đạt: 97,8 %; trong đó Thạc sĩ 01 đạt 2,2% Đảng viên: 26 đạt 57,8 %; Hợp đồng: 12.2. Phương pháp quản lý: Trường TH Hiến Thành có những quy định cụ thể về tuyển dụng, bồi dưỡng, sử dụng và quản lý cán bộ công chức, viên chức, hợp đồng. Trường đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ, ưu tiên, tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí để giáo viên sớm được đi đào tạo, học tập để đạt các yêu cầu, quy định về trình độ của ngạch giáo viên. Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với CBVC để cán bộ yên tâm công tác, học tập, phục vụ lâu dài ở trường. Thực hiện công khai, công bằng trong đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm, động viên CBVC tích cực công tác, đóng góp vào sự phát triển của trường. **III. CÔNG KHAI TÀI CHÍNH** **1. Hình thức:**  Công bố công khai trong cuộc họp với CBCNV của nhà trường. Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.  Công khai trong các kỳ đại hội, hội nghị CNVC, họp ban đại diện CMHS, sơ kết, tổng kết năm học. **2. Thời điểm công khai:**  Công khai vào đầu năm học và khi kết thúc năm học (đầu tháng 9 và tháng 5), đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi có thông tin mới. **Báo cáo công khai tài chính năm học 2023 - 2024**.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khoản Thu** | **Tổng thu** | **Tổng chi** | **Hồ sơ** |
| Học kỹ năng sống | 316.320.000 | 316.320.000 |  |
| Nước uống  | 59.400.000 | 59.400.000 | Có đủ hồ sơ biên bản họp, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thu, chi theo quy định. |
| Quỹ cha mẹ học sinh | 104.000.000 | 104.000.000 |
| Bảo hiểm Thân thể | 208.400.000 | 208.400.000 |
| Bảo hiểm y tế | 722.981.700 | 722.981.700 |
| Ngân sách 2023 Được cấp | 6.508.742.000 | 6.508.742.000 |
| Ngân sách 2024 Được cấp | 7.060.000.000 | 7.060.000.000 |  |

 **IV. CÔNG KHAI THI ĐUA KHEN THƯỞNG*.*** Trường TH Hiến Thành trong năm học tuyên truyền, học tập Luật Thi đua khen thưởng và bằng nhiều hình thức thi đua, động viên kịp thời thầy và trò trong các phong trào thi đua của đơn vị, của ngành.Năm học 2023 - 2024 trường đề nghị Chi bộ: Trong sạch vững mạnh xuất sắcTrường: Tập thể lao động Tiên tiến. Công đoàn: Vững mạnhĐội TNTPHCM: Vững mạnh **Cá nhân**  **\*Xếp loại viên chức:**  - HTXSNV: 07/44 đạt 15,9 %  - HTTNV: 33/44 đạt 75 %  - HTNV: 04/44 đạt 9,1 % ( Đ/c Ngọc mới vào viên chức được 5 tháng, đ/c An GV nghỉ hưu dạy HĐ, không đánh giá viên chức). **\* Chuần nghề nghiệp** - Tốt: 19/42 đạt 45,2%- Khá: 22/42 đạt 52,4 %  - Loại Đạt: 01 đạt 2.4%  **\* Danh hiệu thi đua**- CSTĐ: 04 đạt 10 %- LĐTT: 27 đạt 60 %- HTNV: 12 đạt 26,7 %- CTUBND tặng giấy khen: 08 đạt 17,8% *- Thưởng giáo viên có học sinh đạt giải trong các đợt giao lưu.*Giải Quốc gia: 500 000đ, Giải tỉnh: 300 000đ; Nhất thị xã; 100 000đ; Nhì thị xã: 80 000đ*- Thưởng học sinh đạt giải trong các đợt giao lưu.* Giải Quốc gia: 500 000đ; Giải tỉnh: 300 000đ; Giải thị xã; 100 000đ *- Thưởng học sinh đạt HTXSCNDHT&RL:* 01 giấy khen và 3 quyển vở trị giá 28 000/1 HS*- Thưởng học sinh đạt Tiêu biểu:* Mỗi học sinh 1 giấy khen và 2 vở trị giá 20 000đ **V. THỰC HIỆN KIỂM TRA.** Ban thanh tra nhân dân dưới sự chỉ đạo của BCH công đoàn cơ sở thường xuyên kiểm tra: - Việc phân bổ Ngân sách nhà nước cấp chi phục vụ cho công tác dạy và học của nhà trường, kinh phí chi cho hoạt động chuyên môn, kinh phí chi cho mua dụng cụ phục vụ trong nhà trường, kinh phí chi cho việc mua bổ sung tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy của giáo viên... - Kiểm tra các khoản thu đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh nộp kịp thời về nhà trường tránh tình trạng để tồn đọng tại người thu. - Kiểm tra về chi ngân sách, chế độ cho CB **-** GV **-** CNV, chế độ nâng lương và các khoản phụ cấp. - Kiểm tra chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh theo theo lịch kiểm tra trong năm. **VIII. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI****1. Hình thức**- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp. Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng. **2. Thời điểm công khai**- Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ tháng 6/2024. Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2024 của UBND thị xã Kinh Môn.- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi có thông tin mới hoặc thay đổi. - Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2024) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. - Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng địa phương trước khi trường thực hiện tuyển sinh. - Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết. Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.Trên đây là báo cáo thường niên công tác công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của trường Tiểu học Hiến Thành.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Website <http://km-thhienthanh.haiduong.edu.vn/>- Lưu: Hồ sơ công khai. | **T/M.NHÀ TRƯỜNG** |

 |
|  |  |